

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh, giao dự toán chi thường xuyên
ngân sách nhà nước năm 2025 Sở Khoa học và Công nghệ

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 3608/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của một số cơ quan, đơn vị khối tỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, giao dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ (theo Biểu số 01, 02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, thủ trưởng các đơn vị được giao dự toán và các phòng, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- BGĐ Sở;
- Bảng thông báo;
- Trang thông tin điện tử của Sở KH&CN;
- Lưu: VT, KHTC, Ngọc.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Long



DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 156/QĐ-SKHCN ngày 02/6/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bố	Trong đó						
				Văn phòng Sở KH&CN	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm Thông tin và Thông kê KH&CN	Trung tâm giám sát, điều hành thông minh	Trung tâm Thông tin điện tử	Trun tâm Chuyển đổi số
A	B	4	5	6	8	9	10			
B	PHẦN CHI									
I	CHI THƯỜNG XUYỀN	55.940	24.998	23.858	97	383	1.110	6.075	8.834	15.5
1	Quản lý hành chính 417-340-341	23.408	23.408	23.408	-	-	-			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.657	3.657	3.657						
a	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.657	3.657	3.657						
	+ Trong đó, nguồn cải cách tiền lương	923	923	923						
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	117	117	117						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	19.751	19.751	19.751						
a	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	19.657	19.657	19.657						
	- Quỹ tiền thưởng	94	94	94						
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	1.069	1.069	1.069						
2	Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ	1.590	1.590	-	97	383	1.110			
	417-100-101	480	480	-	97	383	-			
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	-	-	-	-	-			
a	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-							
	+ Trong đó, nguồn cải cách tiền lương									
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	480	480	-	97	383	-			
a	- Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên	480	480		97	383				
	- Quỹ tiền thưởng									
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	66	66			66				
	417-100-103	1.110	1.110	-	-	-	1.110			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-			
a	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-							
	+ Trong đó, nguồn cải cách tiền lương	-	-							
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	-	-							
2.4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.110	1.110	-	-	-	1.110			
a	- Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên	1.110	1.110				1.110			
	- Quỹ tiền thưởng		-							
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định	-	-							
3	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo 417-070-083	450		450						

ST T	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó						
				Văn phòng Sở KH&CN	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN	Trung tâm giám sát, điều hành thông minh	Trung tâm Thông tin điện tử	Trung tâm Chuyển đổi số
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên									
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	450		450						
	- Kinh phí nhiệm vụ chỉ không thường xuyên	450		450						
	<i>* Đã trừ tiết kiệm theo quy định</i>	50		50						
4	Sự nghiệp kinh tế 417-280-314	30.492	30.492	-	-	-	-	6.075	8.834	15.583
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.710	4.710	-	-	-	-	2.080	2.236	3.394
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.710	4.710					2.080	2.236	3.394
	+ Trong đó, nguồn cải cách tiền lương	1.041	1.041					405	636	
	<i>* Đã trừ tiết kiệm theo quy định</i>	112	112					58	54	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25.782	25.782	-	-	-	-	3.995	6.598	15.189
	- Kinh phí nhiệm vụ chỉ không thường xuyên	25.656	25.656					3.984	6.505	15.189
	- Quỹ tiền thưởng	126	126					11	93	
	<i>* Đã trừ tiết kiệm theo quy định</i>	1.482	1.482					332	655	445



CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ
KHÔNG THỰC HIỆN TỰ CHỦ - KHÔNG THƯỜNG XUYỀN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 156/QĐ-SKHCN ngày 02/6/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị/ Nội dung chi tiết	C	L	K	Dự toán năm 2025			
					Tổng cộng	Chi tiết		
						KTC-KTX	Tài sản	
							Sửa chữa	Mua sắm
	TỔNG CỘNG				47.574	18.291	799	28.484
I	HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ				1.590	1.340	114	136
		417	100	101	480	480		
1	Trung tâm ứng dụng tiên bộ KHCN	417	100	101	97	97		
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - Nhiệm vụ chi không thường xuyên				97	97		
1.1	Nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019							
1.2	Nhiệm vụ chi không thường xuyên							
a	Duy trì, bảo quản thiết bị, dụng cụ an toàn bức xạ để phục vụ quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và sự cố bức xạ trên địa bàn tỉnh.				97	97		
	Đã trừ tiết kiệm 10% thực hiện CCTL				0			
2	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	417	100	101	383	383		
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - Nhiệm vụ chi không thường xuyên				383	383		
2.1	Nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019							
a	Khảo sát đo lường sản phẩm, hàng hóa				19	19		
b	Tổ chức đào tạo, tư vấn ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính				186	186		
c	Phổ biến, hướng dẫn, đào tạo văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam				178	178		
	Đã trừ tiết kiệm 10% thực hiện CCTL				66	66		
3	Trung tâm thông tin và Thông kê KH&CN	417	100	103	1.110	860	114	136
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - Nhiệm vụ chi không thường xuyên				1.110	860	114	136
3.1	Nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019				860	860	0	0
a	Công bố, xuất bản, in, phát hành ấn phẩm khoa học, kỹ thuật và công nghệ, kinh tế (sách, báo, tổng luận chuyên đề, bản tin, tạp chí)				379	379		



STT	Tên đơn vị/ Nội dung chi tiết	C	L	K	Dự toán năm 2025			
					Tổng cộng	Chi tiết		
						KTC-KTX	Tài sản	
							Sửa chữa	Mua sắm
b	Xây dựng, cập nhật, cung cấp, khai thác cơ sở dữ liệu về hồ sơ công nghệ, chuyên gia công nghệ, danh mục công nghệ, nhiệm vụ KH&CN, công bố KH&CN Việt Nam, tổ chức KH&CN, nhân lực NC&PT KH&CN Việt Nam.				54	54		
c	Xây dựng và vận hành sàn giao dịch thông tin, công nghệ thiết bị trực tuyến.				100	100		
d	Duy trì, quản lý hạ tầng máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống phần mềm ứng dụng ngành KH&CN tỉnh Bình Dương.				108	108		
đ	Duy trì, quản lý, cập nhật thông tin trang thông tin điện tử Sở KH&CN tỉnh Bình Dương.				72	72		
e	Duy trì, quản lý, cập nhật thông tin cổng thông tin KH&CN tỉnh Bình Dương.				72	72		
g	Duy trì, quản lý, cập nhật thông tin trang thông tin điện tử của Trung tâm Sáng kiến cộng đồng và hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Bình Dương.				60	60		
h	Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.				15	15		
3.2	Kinh phí mua sắm, sửa chữa				250	-	114	136
b	Tủ đựng tài liệu (05 cái)				25			25
c	Máy ảnh (01 bộ)				38			38
d	Phần mềm hỗ trợ firewall				45			45
đ	Giá kê đựng tài liệu				28			28
e	Sửa chữa, thay thế linh kiện cho các thiết bị phòng máy chủ				58		58	
g	Chỉnh sửa, nâng cấp Sàn giao dịch thông tin, công nghệ thiết bị trực tuyến				56		56	
	<i>Đã trừ tiết kiệm 10% thực hiện CCTL</i>				0			
II	<u>HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</u>	417	070	083	450	450		
1	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ				450	450		
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - Nhiệm vụ chi không thường xuyên				450	450		
	Tổ chức các lớp đào tạo năm 2025 thuộc dự án: Đảm bảo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2022-2026				450	450		
III	<u>HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP KINH TẾ</u>	417	280	314	25.783	11.140	685	13.958
1	Trung tâm Thông tin điện tử				6.599	5.879	100	620
	Đào tạo				67	67		
	Tiền tết				4	4		
	Phụ cấp thực sĩ				16	16		

STT	Tên đơn vị/ Nội dung chi tiết	C	L	K	Dự toán năm 2025			
					Tổng cộng	Chi tiết		
						KTC-KTX	Tài sản	
							Sửa chữa	Mua sắm
	Tiền cơm trưa				211	211		
	Hỗ trợ cán bộ làm công tác CNTT				152	152		
	Kinh phí tinh giản biên chế				200	200		
	Tiền điện cho phòng máy				50	50		
	Chi nhuận bút, thù lao				2.020	2.020		
	Kinh phí tổ chức các buổi họp, đi học tập, trao đổi kinh nghiệm của Ban biên tập				78	78		
	Mạng truyền số liệu chuyên dùng				1.453	1.453		
	Phí duy trì IPV 6				10	10		
	Thuê nền tảng Cổng thông tin điện tử				125	125		
	Thuê đường truyền internet phục vụ cơ quan đơn vị trong Tòa nhà trung tâm hành chính tỉnh				560	560		
	Thuê hạ tầng, lưu trữ dữ phòng cho Trung tâm dữ liệu tỉnh (Cổng tỉnh, cổng thành phần, thư điện tử)				460	460		
	Chuyển đổi sang sử dụng giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) cho các hệ thống thông tin của tỉnh				50	50		
	Thuê dịch vụ nâng cấp, bổ sung tính năng và triển khai bản cập nhật tích lũy mới nhất cho hệ thống Exchange Server 2019				300	300		
	Chi phí thực hiện vận hành, tập huấn, điều chỉnh nội dung chứng thư số người dùng cho các sở, ngành, huyện thị, xã phường				30	30		
	Kinh phí sửa chữa				0			
	Chi phí dự phòng khắc phục sự cố hư hỏng bất khả kháng				0			
	Chi phí dự phòng khắc phục sự cố phần mềm Hệ thống Thư điện tử công vụ tỉnh				45		45	
	Chi phí dự phòng khắc phục sự cố phần mềm Hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh, cổng thành phần				55		55	
	Chi phí dự phòng khắc phục sự cố Hệ thống mạng trục toà nhà trung tâm hành chính tỉnh (Hệ thống Wifi và các thiết bị tại phòng kỹ thuật MDF)				0			
	Kinh phí mua sắm				0			
	Máy vi tính để bàn (02 bộ)				30			30
	Máy vi tính xách tay (02 máy)				30			30
	Chứng thư số cho tên miền *binhduong.gov.vn				95			95
	Mua máy tính chuyên dùng				45			45
	Mua máy ảnh + bộ phụ kiện				140			140
	Trang bị 1 server vật lý thực hiện DNS và senser lắp đặt tại tòa nhà Trung tâm hành chính				180			180

C.N VI
HỌC
NGHỆ
DUY

STT	Tên đơn vị/ Nội dung chi tiết	C	L	K	Dự toán năm 2025			
					Tổng cộng	Chi tiết		
						KTC-KTX	Tài sản	
							Sửa chữa	Mua sắm
	Mua bản quyền phần mềm thiết bị Baracuda Email Security Gateway 400				100			100
	Quỹ tiền thưởng							
	Quỹ tiền thưởng				93	93		
	Đã trừ tiết kiệm theo quy định				655	655		
2	Trung tâm Chuyển đổi số				15.190	1.852	0	13.338
	Phụ cấp ưu đãi CNTT				26	26		
	Hỗ trợ sau đại học				40	40		
	Thuê đào tạo cán bộ				37	37		
	Chi phí tiền điện trung tâm dữ liệu				390	390		
	Bảo trì hệ thống chống sét				13	13		
	Bảo trì hệ thống máy lạnh chính xác				72	72		
	Bảo trì USP trung tâm dữ liệu				27	27		
	Bảo trì, đảm bảo vận hành máy phát điện				99	99		
	Bảo trì, nâng cấp hệ thống PCCC				99	99		
	Bảo trì thiết bị trung tâm dữ liệu				61	61		
	Chi phí thuê 01 đường truyền FTTH phục vụ hệ thống HNTT				11	11		
	Phần mềm QLCV phục vụ chuyển đổi số				69	69		
	Đánh giá ATTT cho Trung tâm dữ liệu				135	135		
	Diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin mạng				135	135		
	Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống TTDLT				32	32		
	Thuê trường truyền Lease Line Internet và Phòng chống Tấn công DDOS cho hệ thống thông tin cấp độ 3(ISP 1)				180	180		
	Thuê trường truyền Lease Line Internet và Phòng chống Tấn công DDOS cho hệ thống thông tin cấp độ 3(ISP 2)				152	152		
	Khắc phục lỗ hổng ATTT sau khi thực hiện đánh giá ATTT cho Trung tâm dữ liệu				99	99		
	Xây dựng trang in điện tử Trung tâm chuyển đổi số tỉnh				54	54		
	Đầu tư phần mềm định danh, quản lý thiết bị công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh				99	99		
	Kinh phí mua sắm				0			
	Dự án hợp nhất cổng dịch vụ công với hệ thống thông tin 1 cửa điện tử của tỉnh				11.461			11.461
	Đầu tư giải pháp hệ thống giám sát tập trung				225			225
	Trang bị dự phòng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến				198			198
	Đầu tư phần mềm hệ thống đánh giá ATTT; Đào tạo chuyển giao Công nghệ				225			225
	Cập nhật trực liên thông văn bản nội tỉnh, kết nối với trực LGSP của Tỉnh				830			830
	Trang bị màn hình phòng họp hội nghị THPT				99			99
	Thuê gói hạ tầng và vận hành kỹ thuật nền tảng MOOCs năm 2025				300			300
	Quỹ tiền thưởng				0			
	Quỹ tiền thưởng				23	23		

STT	Tên đơn vị/ Nội dung chi tiết	C	L	K	Dự toán năm 2025			
					Tổng cộng	Chi tiết		
						KTC-KTX	Tài sản	
							Sửa chữa	Mua sắm
	Đã trừ tiết kiệm theo quy định				495	495		
3	Trung tâm Giám sát điều hành thông minh				3.995	3.410	585	0
	Tiền cơm trưa					272		
	Tiền Tết					18		
	Phụ cấp ưu đãi CNTT					374		
	Phụ cấp Thạc sĩ					47		
	Đào tạo CBCC					141		
	Thuê nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC)					1.300		
	Thuê hệ thống báo cáo cấp tỉnh (LRIS) và liên thông báo cáo văn phòng Chính phủ 2024					950		
	Nâng cấp ứng dụng di động Bình Dương số và Chính quyền số					225		
	Tiền điện phòng máy TT IOC					72		
	Kinh phí sửa chữa							
	Bảo trì, sửa chữa hệ thống điều khiển và 108 màn hình ghép						450	
	Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị mạng nội bộ Trung tâm IOC						135	
	Quỹ tiền thưởng							
	Quỹ tiền thưởng					11		
	Đã trừ tiết kiệm theo quy định					332		
II	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				19.751	5.361	0	14.390
1	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	417	340	341	19.751	5.361	0	14.390
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				19.751	5.361	0	14.390
a	Thuê địa chỉ IP mạng truyền số liệu				93	93		
b	Phí thuê kho số viễn thông				60	60		
c	Kinh phí hoạt động BCD chuyển đổi số và ứng dụng CNTT				2.083	2.083		
d	Kinh phí đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng				0			
e	Chi phí tổ chức, triển khai việc mua sắm tập trung thiết bị CNTT				100	100		
f	Hội nghị, hội thảo CNTT				130	130		
g	Nhuận bút website sở TTTT				80	80		
h	Tuyên truyền Chuyển đổi số - Báo Bình Dương				139	139		
i	Kinh phí tinh giản biên chế				350	350		
j	Thuê Hệ thống tiếp nhận và giải đáp thông tin cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2022-2025				79	79		
k	Thuê cáp quang trắng từ TTHC về Trung tâm dữ liệu tỉnh				908	908		
l	Nâng cấp phần mềm QLVB cho các cơ quan trên địa bàn tỉnh				322	322		

STT	Tên đơn vị/ Nội dung chi tiết	C	L	K	Dự toán năm 2025			
					Tổng cộng	Chi tiết		
						KTC-KTX	Tài sản	
							Sửa chữa	Mua sắm
m	Quản lý, vận hành, duy trì hệ thống hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến				335	335		
n	Quản lý, vận hành, duy trì khắc phục sự cố phần mềm 1 cửa và hệ thống dịch vụ công trực tuyến				227	227		
o	Quản lý vận hành, bảo trì, xử lý sự cố phần mềm quản lý văn bản cho các sở, huyện (58 cơ quan đơn vị bao gồm tập trung và phân tán) và xử lý sự cố trực liên thông văn bản				0		0	0
p	Quản lý, vận hành, duy trì trực LGSP, trực QLVB, trực SS với trực quốc gia				89	89		
q	Bảo trì phần mềm QLVB cho các cơ quan đang vận hành tại Trung tâm dữ liệu				50	50		
r	Bảo trì phần mềm QLVB cho các cơ quan đang vận hành tại Trung tâm dữ liệu				50	50		
s	“Thuê đường truyền Internet Leased line”				99	99		
t	“Thuê đường truyền tín hiệu dữ liệu cho dự án thí điểm lắp đặt hệ thống camera phục vụ quản lý giao thông, trật tự”				65	65		
u	Cập nhật Khung kiến trúc số cấp tỉnh				100	100		
v	Thanh toán tiếp tục duy trì tài khoản UBND tỉnh Bình Dương trên kho ứng dụng Apple Store chương trình nhà phát triển.				3	3		
	Kinh phí mua sắm							
	Máy hủy giấy (1 cái)							26
	Dự án "Mua sắm bản quyền phần mềm Microsoft"							1.500
	Hệ thống phòng chống mã độc, tấn công tập trung							441
	Hệ thống phòng họp không giấy							370
	Bổ sung tính năng bản quyền Agent for Bigdata cho Database Firewall và phần mềm chống thất thoát dữ liệu (DLP) cho Trung tâm dữ liệu tỉnh							3.924
	Gia hạn bản quyền, dịch vụ mở rộng bảo hành và bổ sung thay thế các thiết bị cho Trung tâm dữ liệu tỉnh và Tòa nhà Trung tâm hành chính							5.531
	Nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến							
	Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động							
	Xây dựng Quy hoạch dữ liệu tỉnh Bình Dương							2.598
	Quỹ tiền thưởng							
	Quỹ tiền thưởng							
	<i>Đã trừ tiết kiệm theo quy định</i>					1.069		



CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ
MUA SẮM, SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 156 /QĐ-SKHCHN ngày 02/6/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

ĐVT: triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	C	L	K	Dự toán năm 2025		
					Cộng	SC	MS
A	B	C	D	E	1	2	3
	TỔNG CỘNG				31.881	799	31.082
I	HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	417	100	103	250	114	136
1	Trung tâm thông tin và Thống kê KH&CN				250	114	136
a	Tủ đựng tài liệu (05 cái)				25		25
b	Máy ảnh (01 bộ)				38		38
c	Phần mềm hỗ trợ firewall				45		45
d	Giá kệ đựng tài liệu				28		28
e	Sửa chữa, thay thế linh kiện cho các thiết bị phòng máy chủ				58	58	
f	Chỉnh sửa, nâng cấp Sàn giao dịch thông tin, công nghệ thiết bị trực tuyến				56	56	
	Đã trừ tiết kiệm 10% thực hiện CCTL				-		
II	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	417	340	341	16.988	-	16.988
1	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ				14.390	0	14.390
a	Máy hủy giấy (1 cái)				26		26
b	Dự án "Mua sắm bản quyền phần mềm Microsoft"				1.500		1.500
c	Hệ thống phòng chống mã độc, tấn công tập trung				441		441
d	Hệ thống phòng họp không giấy				370		370
e	Bổ sung tính năng bản quyền Agent for Bigdata cho Database Firewall và phần mềm chống thất thoát dữ liệu (DLP) cho Trung tâm dữ liệu tỉnh				3.924		3.924
f	Gia hạn bản quyền, dịch vụ mở rộng bảo hành và bổ sung thay thế các thiết bị cho Trung tâm dữ liệu tỉnh và Tòa nhà Trung tâm hành chính				5.531		5.531
g	Xây dựng Quy hoạch dữ liệu tỉnh Bình Dương				2.598		2.598
III	HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP KINH TẾ	417	280	314	14.643	685	13.958
1	Trung tâm Thông tin điện tử				720	100	620
	Kinh phí sửa chữa				720	100	620
a	Chi phí dự phòng khắc phục sự cố hư hỏng bất khả kháng				0		
b	Chi phí dự phòng khắc phục sự cố phần mềm Hệ thống Thư điện tử công vụ tỉnh				45	45	
c	Chi phí dự phòng khắc phục sự cố phần mềm Hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh, công thành phần				55	55	
d	Chi phí dự phòng khắc phục sự cố Hệ thống mạng trực toà nhà trung tâm hành chính tỉnh (Hệ thống Wifi và các thiết bị tại phòng kỹ thuật MDF)				0		
	Kinh phí mua sắm				0		
a	Máy vi tính để bàn (02 bộ)				30		30
b	Máy vi tính xách tay (02 máy)				30		30
c	Chứng thư số cho tên miền *binhduong.gov.vn				95		95

STT	TÊN ĐƠN VỊ	C	L	K	Dự toán năm 2025		
					Cộng	SC	MS
A	B	C	D	E	1	2	3
d	Mua máy tính chuyên dùng				45		45
e	Mua máy ảnh + bộ phụ kiện				140		140
f	Trang bị 1 server vật lý thực hiện DNS và senser lắp đặt tại tòa nhà Trung tâm hành chính				180		180
g	Mua bản quyền phần mềm thiết bị Baracuda Email Security Gateway 400				100		100
2	Trung tâm Chuyển đổi số				13.338		13.338
a	Dự án hợp nhất cổng dịch vụ công với hệ thống thông tin 1 cửa điện tử của tỉnh				11.461		11.461
b	Đầu tư giải pháp hệ thống giám sát tập trung				225		225
c	Trang bị dự phòng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến				198		198
d	Đầu tư phần mềm hệ thống đánh giá ATTT; Đào tạo chuyển giao Công nghệ				225		225
e	Cập nhật trực liên thông văn bản nội tỉnh, kết nối với trực LGSP của Tỉnh				830		830
f	Trang bị màn hình phòng họp hội nghị THPT				99		99
g	Thuê gói hạ tầng và vận hành kỹ thuật nền tảng MOOCs năm 2025				300		300
3	Trung tâm Giám sát điều hành thông minh				585	585	
a	Bảo trì, sửa chữa hệ thống điều khiển và 108 màn hình ghép				450	450	
b	Sửa chữa bảo dưỡng thiết bị mạng nội bộ Trung tâm IOC				135	135	



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 156/QĐ-SKHCHN ngày 02/6/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Nội dung	Mã nhiệm vụ chi	Chương-loại- khoản	Mã nguồn NS	Dự toán được giao
1	2	3	4	5	6
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				23.858
1	Quản lý hành chính	340	417-340-341		23.408
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				3.657
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			13	3.657
	+ Trong đó, nguồn cải cách tiền lương				923
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định				117
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				19.751
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			12	19.657
	- Quỹ tiền thưởng			18	94
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định				1.069
2	Khoa học Công nghệ	100	417-100-103		0
3	Sự nghiệp giáo dục	070	417-070-083		450
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			13	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			12	450
	* Đã trừ tiết kiệm theo quy định				50

(Kèm Chi tiết nội dung kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên; Mua sắm, sửa chữa tài sản)



CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ
KHÔNG THỰC HIỆN TỰ CHỦ - KHÔNG THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 156/QĐ-SKHCN ngày 02/6/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị/ Nội dung chi tiết	C	L	K	Dự toán năm 2025			
					Tổng cộng	KTC-KTX	Chi tiết	
							Tài sản	
							Sửa chữa	Mua sắm
	TỔNG CỘNG				515	515	0	0
I	<u>HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</u>	417	070	083	450	450		
1	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ				450	450		
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ - Nhiệm vụ chi không thường xuyên				450	450		
	Tổ chức các lớp đào tạo năm 2025 thuộc dự án: Đảm bảo nguồn nhân lực công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2022-2026				450	450		
II	<u>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</u>	417	340	341	19.751	5.361	0	14.390
1	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	417	340	341	19.751	5.361	0	14.390
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				19.751	5.361	0	14.390
a	Thuê địa chỉ IP mạng truyền số liệu				93	93		
b	Phí thuê kho số viễn thông				60	60		
c	Kinh phí hoạt động BCĐ chuyển đổi số và ứng dụng CNTT				2.083	2.083		
d	Kinh phí đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng				0			
e	Chi phí tổ chức, triển khai việc mua sắm tập trung thiết bị CNTT				100	100		
f	Hội nghị, hội thảo CNTT				130	130		
g	Nhuận bút website sở TTTT				80	80		
h	Tuyên truyền Chuyển đổi số - Báo Bình Dương				139	139		
i	Kinh phí tinh giản biên chế				350	350		
j	Thuê Hệ thống tiếp nhận và giải đáp thông tin cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2022-2025				79	79		
k	Thuê cáp quang trắng từ TTHC về Trung tâm dữ liệu tỉnh				908	908		
l	Nâng cấp phần mềm QLVB cho các cơ quan trên địa bàn tỉnh				322	322		
m	Quản lý, vận hành, duy trì hệ thống hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến				335	335		

STT	Tên đơn vị/ Nội dung chi tiết	C	L	K	Dự toán năm 2025			
					Tổng cộng	Chi tiết		
						KTC-KTX	Tài sản	
							Sửa chữa	Mua sắm
n	Quản lý, vận hành, duy trì khắc phục sự cố phần mềm 1 cửa và hệ thống dịch vụ công trực tuyến				227	227		
o	Quản lý vận hành, bảo trì, xử lý sự cố phần mềm quản lý văn bản cho các sở, huyện (58 cơ quan đơn vị bao gồm tập trung và phân tán) và xử lý sự cố trực liên thông văn bản				0		0	0
p	Quản lý, vận hành, duy trì trực LGSP, trực QLVB, trực SS với trực quốc gia				89	89		
q	Bảo trì phần mềm QLVB cho các cơ quan đang vận hành tại Trung tâm dữ liệu				50	50		
r	Bảo trì phần mềm QLVB cho các cơ quan đang vận hành tại Trung tâm dữ liệu				50	50		
s	“Thuê đường truyền Internet Leased line”				99	99		
t	“Thuê đường truyền tín hiệu dữ liệu cho dự án thí điểm lắp đặt hệ thống camera phục vụ quản lý giao thông, trật tự”				65	65		
u	Cập nhật Khung kiến trúc số cấp tỉnh				100	100		
v	Thanh toán tiếp tục duy trì tài khoản UBND tỉnh Bình Dương trên kho ứng dụng Apple Store chương trình nhà phát triển.				3	3		
	Kinh phí mua sắm							
a	Máy hủy giấy (1 cái)							26
b	Dự án "Mua sắm bản quyền phần mềm Microsoft"							1.500
c	Hệ thống phòng chống mã độc, tấn công tập trung							441
d	Hệ thống phòng họp không giấy							370
e	Bổ sung tính năng bản quyền Agent for Bigdata cho Database Firewall và phần mềm chống thất thoát dữ liệu (DLP) cho Trung tâm dữ liệu tỉnh							3.924
f	Gia hạn bản quyền, dịch vụ mở rộng bảo hành và bổ sung thay thế các thiết bị cho Trung tâm dữ liệu tỉnh và Tòa nhà Trung tâm hành chính							5.531
g	Nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến							
h	Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động							
i	Xây dựng Quy hoạch dữ liệu tỉnh Bình Dương							2.598
	Quý tiền thưởng							
	Quý tiền thưởng							
	Đã trừ tiết kiệm theo quy định					1.069		



CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ
MUA SẮM, SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 156/QĐ-SKHCN ngày 02/6/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ)

ĐVT: triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	C	L	K	Dự toán năm 2025		
					Cộng	SC	MS
A	B	C	D	E	1	2	3
I	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	417	340	341	14.390	-	14.390
	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ				14390	0	14.390
a	Máy hủy giấy (1 cái)				26		26
b	Dự án "Mua sắm bản quyền phần mềm Microsoft"				1.500		1.500
c	Hệ thống phòng chống mã độc, tấn công tập trung				441		441
d	Hệ thống phòng họp không giấy				370		370
e	Bổ sung tính năng bản quyền Agent for Bigdata cho Database Firewall và phần mềm chống thất thoát dữ liệu (DLP) cho Trung tâm dữ liệu tỉnh				3.924		3.924
f	Gia hạn bản quyền, dịch vụ mở rộng bảo hành và bổ sung thay thế các thiết bị cho Trung tâm dữ liệu tỉnh và Tòa nhà Trung tâm hành chính				5.531		5.531
g	Xây dựng Quy hoạch dữ liệu tỉnh Bình Dương				2.598		2.598